TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2020/KDTM-ST
Ngày: 31/12/2020
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Thiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Quý;

2. Bà Nguyễn Thị Lượng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Trường Giang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Bá Thu Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 57/2019/TLST-KDTM ngày 18/9/2019 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 506/2020/QĐXXST-KDTM ngày 30 tháng 10 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 298/2020/QĐST-KDTM ngày 04/12/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng A.

Trụ sở: 89 đường L phường H, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc Thuỷ T, sinh năm 1992; Địa chỉ thường trú: An Thành, An Phú Thuận, Châu Thành, Đồng Tháp.

(theo văn bản ủy quyền số: 27182/2019/XLN-AMC ngày 05/08/2019 của Ngân hàng A) - Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn T.

Trụ sở: 261 đường G, khu phố 2, phường T, quận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Xuân M, sinh năm 1979; Địa chỉ thường trú: 10.5 lô F Chung cư N, đường T, Phường H, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

(theo văn bản ủy quyền ký ngày 12/12/2020 của Công ty trách nhiệm hữu hạn T) - Có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Trương Đình C, sinh năm 1986; Địa chỉ thường trú: 220 đường Q, thị trấn N, huyện P, tỉnh Bình Định - (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

(1) Nội dung nguyên đơn khởi kiện: Công ty trách nhiệm hữu hạn T đã vay vốn tại Ngân hàng A (sau đây gọi tắt là VPBank) theo hợp đồng vay hạn mức số: SME/Q10/17/0040/HDTM ngày 11/5/2017 và Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số: SME/Q10/16/0109/HDHM-BIL ngày 04/11/2016; Hợp đồng bảo lãnh số: SME/Q10/17/0040/HDBL ngày 18/5/2017; Hợp đồng bảo lãnh số: SME/Q10/16/0109/HDBL ngày 04/11/2016 (bao gồm các khế ước nhận nợ) với nội dung tóm tắt như sau:

- *Khế ước nhận nợ số*: Lần 01/Số: SMEQ10/16/0109/HDHM-BILL-01 ngày 04/11/2016; Số tiền vay: 487.959.656 đồng; Thời hạn vay: 12 tháng; Lãi suất/năm: 16.75%/năm, mức lãi suất này sẽ điều chỉnh 03 tháng/lần; Ngày giải ngân: 04/11/2016; Ngày đến hạn: 04/11/2017; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thương mại thực phẩm;

- *Khế ước nhận nợ số*: Lần 02/Số: SMEQ10/16/0109/HDHM-BILL-02 ngày 07/11/2016; Số tiền vay: 302.170.000 đồng; Thời hạn vay: 12 tháng; Lãi suất/năm: 16.75%/năm, mức lãi suất này sẽ điều chỉnh 03 tháng/lần; Ngày giải ngân: 07/11/2016; Ngày đến hạn: 07/11/2017; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thương mại thực phẩm;

- *Khế ước nhận nợ số*: Lần 03/Số: SMEQ10/16/0109/HDHM-BILL-03 ngày 17/11/2016; Số tiền vay: 201.069.000 đồng; Thời hạn vay: 12 tháng; Lãi suất/năm: 16.75%/năm, mức lãi suất này sẽ điều chỉnh 03 tháng/lần; Ngày giải ngân: 17/11/2016; Ngày đến hạn: 17/11/2017; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thương mại thực phẩm;

- *Khế ước nhận nợ số*: Lần 04/Số: SMEQ10/16/0109/HDHM-BILL-04 ngày 25/11/2016; Số tiền vay: 398.515.832 đồng; Thời hạn vay: 12 tháng; Lãi suất/năm: 16.75%/năm, mức lãi suất này sẽ điều chỉnh 03 tháng/lần; Ngày giải ngân: 25/11/2016; Ngày đến hạn: 25/11/2017; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thương mại thực phẩm;

- *Khế ước nhận nợ số*: Lần 05/Số: SMEQ10/16/0109/HDHM-BILL-05 ngày 20/01/2017; Số tiền vay: 100.000.000 đồng; Thời hạn vay: 12 tháng; Lãi suất/năm: 16.65%/năm, mức lãi suất này sẽ điều chỉnh 03 tháng/lần; Ngày giải ngân: 20/01/2017; Ngày đến hạn: 20/01/2018; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thương mại thực phẩm;

- *Khế ước nhận nợ số*: Lần 06/Số: SMEQ10/16/0109/HDHM-BILL-06 ngày 14/02/2017; Số tiền vay: 200.000.000 đồng; Thời hạn vay: 12 tháng; Lãi suất/năm: 17.95%/năm, mức lãi suất này sẽ điều chỉnh 03 tháng/lần; Ngày giải ngân: 14/02/2017; Ngày đến hạn: 14/02/2018; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thương mại thực phẩm;

- *Khế ước nhận nợ số*: Lần 07/Số: SMEQ10/16/0109/HDHM-BILL-07 ngày 14/02/2017; Số tiền vay: 200.000.000 đồng; Thời hạn vay: 12 tháng; Lãi suất/năm: 17.95%/năm, mức lãi suất này sẽ điều chỉnh 03 tháng/lần; Ngày giải ngân: 01/03/2017; Ngày đến hạn: 01/03/2018; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thương mại thực phẩm;

- *Khế ước nhận nợ số*: Lần 08/Số: SMEQ10/16/0109/HDHM-BILL-08 ngày 31/3/2017; Số tiền vay: 100.000.000 đồng; Thời hạn vay: 12 tháng; Lãi suất/năm: 17.55%/năm, mức lãi suất này sẽ điều chỉnh 03 tháng/lần; Ngày giải ngân: 31/3/2017; Ngày đến hạn: 31/3/2018; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thương mại thực phẩm;

- *Khế ước nhận nợ số*: Lần 09/Số: SMEQ10/16/0109/HDHM-BILL-09 ngày 09/5/2017; Số tiền vay: 500.000.000 đồng; Thời hạn vay: 12 tháng; Lãi suất/năm: 18.1%/năm, mức lãi suất này sẽ điều chỉnh 03 tháng/lần; Ngày giải ngân: 09/5/2017; Ngày đến hạn: 09/5/2018; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thương mại thực phẩm;

- *Khế ước nhận nợ số*: Lần 10/Số: SMEQ10/16/0109/HDHM-BILL-10 ngày 20/6/2017; Số tiền vay: 200.000.000 đồng; Thời hạn vay: 12 tháng; Lãi suất/năm: 18.1%/năm, mức lãi suất này sẽ điều chỉnh 03 tháng/lần; Ngày giải ngân: 20/6/2017; Ngày đến hạn: 20/6/2018; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thương mại thực phẩm;

- Khế ước nhận nợ số: Lần 11/Số: SMEQ10/16/0109/HDHM-BILL-11 ngày 19/7/2017; Số tiền vay: 200.000.000 đồng; Thời hạn vay: 12 tháng; Lãi suất/năm: 19.6%/năm, mức lãi suất này sẽ điều chỉnh 03 tháng/lần; Ngày giải ngân: 19/7/2017; Ngày đến hạn: 19/7/2018; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thương mại thực phẩm;

- *Khế ước nhận nợ số*: Lần 12/Số: SMEQ10/16/0109/HDHM-BILL-12 ngày 25/7/2017; Số tiền vay: 100.000.000 đồng; Thời hạn vay: 12 tháng; Lãi suất/năm:

19.6%/năm, mức lãi suất này sẽ điều chỉnh 03 tháng/lần; Ngày giải ngân: 25/7/2017; Ngày đến hạn: 25/7/2018; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thương mại thực phẩm;

- *Khế ước nhận nợ số*: Lần 13/Số: SMEQ10/16/0109/HDHM-BILL-13 ngày 09/8/2017; Số tiền vay: 98.500.000 đồng; Thời hạn vay: 12 tháng; Lãi suất/năm: 19.5%/năm, mức lãi suất này sẽ điều chỉnh 03 tháng/lần; Ngày giải ngân: 09/8/2017; Ngày đến hạn: 09/8/2018; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thương mại thực phẩm;

- *Khế ước nhận nợ số*: Lần 14/Số: SMEQ10/16/0109/HDHM-BILL-14 ngày 23/8/2017; Số tiền vay: 200.000.000 đồng; Thời hạn vay: 12 tháng; Lãi suất/năm: 19.5%/năm, mức lãi suất này sẽ điều chỉnh 03 tháng/lần; Ngày giải ngân: 23/8/2017; Ngày đến hạn: 23/8/2018; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thương mại thực phẩm;

- *Khế ước nhận nợ số*: Lần 15/Số: SMEQ10/16/0109/HDHM-BILL-15 ngày 24/8/2017; Số tiền vay: 100.346.400 đồng; Thời hạn vay: 12 tháng; Lãi suất/năm: 19.5%/năm, mức lãi suất này sẽ điều chỉnh 03 tháng/lần; Ngày giải ngân: 24/8/2017; Ngày đến hạn: 24/8/2018; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thương mại thực phẩm;

- *Khế ước nhận nợ số*: Lần 16/Số: SMEQ10/16/0109/HDHM-BILL-16 ngày 08/9/2017; Số tiền vay: 180.000.000 đồng; Thời hạn vay: 12 tháng; Lãi suất/năm: 19.5%/năm, mức lãi suất này sẽ điều chỉnh 03 tháng/lần; Ngày giải ngân: 08/9/2017; Ngày đến hạn: 08/9/2018; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thương mại thực phẩm;

- *Khế ước nhận nợ số*: Lần 01/Số: SMEQ10/17/0040/HDHM-01 ngày 18/5/2017; Số tiền vay: 1.100.000.000 đồng; Thời hạn vay: 06 tháng; Lãi suất/năm: 8.9%/năm, mức lãi suất này sẽ điều chỉnh 03 tháng/lần; Ngày giải ngân: 18/5/2017; Ngày đến hạn: 18/11/2018; Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh thực phẩm;

- *Khế ước nhận nợ số*: Lần 02/Số: SMEQ10/17/0040/HDHM-02 ngày 23/5/2017; Số tiền vay: 200.000.000 đồng; Thời hạn vay: 06 tháng; Lãi suất/năm: 8.9%/năm, mức lãi suất này sẽ điều chỉnh 03 tháng/lần; Ngày giải ngân: 23/5/2017; Ngày đến hạn: 23/11/2017; Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh thực phẩm;

- *Khế ước nhận nợ số*: Lần 03/Số: SMEQ10/17/0040/HDHM-03 ngày 30/5/2017; Số tiền vay: 200.000.000 đồng; Thời hạn vay: 06 tháng; Lãi suất/năm: 8.9%/năm, mức lãi suất này sẽ điều chỉnh 03 tháng/lần; Ngày giải ngân: 30/5/2017; Ngày đến hạn: 30/11/2017; Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh thực phẩm;

- *Khế ước nhận nợ số*: Lần 04/Số: SMEQ10/17/0040/HDHM-04 ngày 09/6/2017; Số tiền vay: 200.000.000 đồng; Thời hạn vay: 06 tháng; Lãi suất/năm: 8.9%/năm, mức lãi suất này sẽ điều chỉnh 03 tháng/lần; Ngày giải ngân: 09/6/2017; Ngày đến hạn: 09/12/2017; Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh thực phẩm;

Tổng cộng: 5.268.560.888 (Năm tỉ, hai trăm sáu mươi tám triệu, năm trăm sáu mươi nghìn, tám trăm tám mươi tám đồng). Để đảm bảo cho khoản vay trên, VPBank và Công ty trách nhiệm hữu hạn T đã thống nhất áp dụng các biện pháp bảo đảm sau:

- Căn hộ 10.05 Chung cư Lô F, Khu nhà ở đường Tạ Quang Bửu, phường 5, quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số GCN: CH03025 do UBND quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Nguyễn Bảy và bà Ngô Thị Tuyết Hoa ngày 02/8/2013;

- Bảo lãnh vô điều kiện và không huỷ ngang bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Trương Đình C theo Hợp đồng bảo lãnh số: SME/Q10/17/0040/HDBL ngày 18/5/2017;

- Bảo lãnh vô điều kiện và không huỷ ngang bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Trương Đình C theo Hợp đồng bảo lãnh số: SME/Q10/16/0109/HDBL ngày 04/11/2016.

Trong quá trình sử dụng vốn vay Công ty trách nhiệm hữu hạn T đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. VPBank nhiều lần liên hệ với Công ty trách nhiệm hữu hạn T để yêu cầu hoàn trả nợ vay. Ngày 08/10/2018, Công ty trách nhiệm hữu hạn T đã nộp 2.200.000.000 (hai tỷ hai trăm triệu đồng) để giải chấp tài sản nêu trên. Đối với số tiền nợ còn lại Công ty trách nhiệm hữu hạn T vẫn tiếp tục vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với VPBank. Tuy VPBank đã nhiều lần yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn T thanh toán toàn bộ số nợ còn lại nhưng Công ty trách nhiệm hữu hạn T vẫn cố tình không thực hiện.

Tổng số tiền Công ty trách nhiệm hữu hạn T đã thanh toán cho VPBank tính tới 19/12/2019 chi tiết như sau:

- *Khế ước nhận nợ số*: Lần 01/Số: SMEQ10/16/0109/HDHM-BILL-01 ngày 04/11/2016; Gốc đã thanh toán: 487.959.656 đồng; Lãi đã thanh toán: 52.436.423 đồng; Tổng cộng 540.396.079 đồng;

- *Khế ước nhận nợ số*: Lần 02/Số: SMEQ10/16/0109/HDHM-BILL-02 ngày 07/11/2016; Gốc đã thanh toán: 302.170.000 đồng; Lãi đã thanh toán: 35.846.627 đồng; Tổng cộng 338.016.627 đồng;

- *Khế ước nhận nợ số*: Lần 03/Số: SMEQ10/16/0109/HDHM-BILL-03 ngày 17/11/2016; Gốc đã thanh toán: 201.069.000 đồng; Lãi đã thanh toán: 22.920.096 đồng;

Tổng cộng 223.989.096 đồng;

- *Khế ước nhận nợ số*: Lần 04/Số: SMEQ10/16/0109/HDHM-BILL-04 ngày 25/11/2016; Gốc đã thanh toán: 398.515.832 đồng; Lãi đã thanh toán: 48.928.057 đồng; Tổng cộng 447.443.889 đồng;

- *Khế ước nhận nợ số*: Lần 05/Số: SMEQ10/16/0109/HDHM-BILL-05 ngày 20/01/2017; Gốc đã thanh toán: 100.000.000 đồng; Lãi đã thanh toán: 10.041.958 đồng; Tổng cộng 110.041.958 đồng;

- *Khế ước nhận nợ số*: Lần 06/Số: SMEQ10/16/0109/HDHM-BILL-06 ngày 14/02/2017; Gốc đã thanh toán: 200.000.000 đồng; Lãi đã thanh toán: 22.222.935 đồng; Phạt đã thanh toán: 29.173 đồng; Tổng cộng 222.252.108 đồng;

- *Khế ước nhận nợ số*: Lần 07/Số: SMEQ10/16/0109/HDHM-BILL-07 ngày 01/03/2017; Gốc đã thanh toán: 200.000.000 đồng; Lãi đã thanh toán: 18.982.040 đồng; Tổng cộng 338.016.627 đồng;

- *Khế ước nhận nợ số*: Lần 08/Số: SMEQ10/16/0109/HDHM-BILL-08 ngày 31/03/2017; Gốc đã thanh toán: 100.000.000 đồng; Lãi đã thanh toán: 7.706.621 đồng; Phạt đã thanh toán: 217.251 đồng ; Tổng cộng 107.923.872 đồng;

- *Khế ước nhận nợ số*: Lần 09/Số: SMEQ10/16/0109/HDHM-BILL-09 ngày 09/05/2017; Gốc đã thanh toán: 500.000.000 đồng; Lãi đã thanh toán: 43.003.939 đồng; Phạt đã thanh toán: 2.802.344 đồng ; Tổng cộng 545.806.283 đồng;

- *Khế ước nhận nợ số*: Lần 10/Số: SMEQ10/16/0109/HDHM-BILL-10 ngày 20/06/2017; Gốc đã thanh toán: 200.000.000 đồng; Lãi đã thanh toán: 13.841.462 đồng; Phạt đã thanh toán: 1.135.340 đồng ; Tổng cộng 214.976.802 đồng;

- *Khế ước nhận nợ số*: Lần 11/Số: SMEQ10/16/0109/HDHM-BILL-11 ngày 19/07/2017; Gốc đã thanh toán: 200.000.000 đồng; Lãi đã thanh toán: 13.355.527 đồng; Phạt đã thanh toán: 1.184.960 đồng ; Tổng cộng 214.540.487 đồng;

- *Khế ước nhận nợ số*: Lần 12/Số: SMEQ10/16/0109/HDHM-BILL-12 ngày 25/07/2017; Gốc đã thanh toán: 100.000.000 đồng; Lãi đã thanh toán: 6.185.015 đồng; Phạt đã thanh toán: 358.064 đồng ; Tổng cộng 106.543.079 đồng;

- *Khế ước nhận nợ số*: Lần 13/Số: SMEQ10/16/0109/HDHM-BILL-13 ngày 09/08/2017; Gốc đã thanh toán: 98.500.000 đồng; Lãi đã thanh toán: 4.871.208 đồng; Phạt đã thanh toán: 406.200 đồng ; Tổng cộng 103.777.408 đồng;

- *Khế ước nhận nợ số*: Lần 14/Số: SMEQ10/16/0109/HDHM-BILL-14 ngày 23/08/2017; Gốc đã thanh toán: 200.000.000 đồng; Lãi đã thanh toán: 8.478.976 đồng; Phạt đã thanh toán: 1.829.341 đồng ; Tổng cộng 210.308.317 đồng;

- *Khế ước nhận nợ số*: Lần 15/Số: SMEQ10/16/0109/HDHM-BILL-15 ngày

24/08/2017; Gốc đã thanh toán: 100.346.400 đồng; Lãi đã thanh toán: 4.069.589 đồng; Phạt đã thanh toán: 413.786 đồng ; Tổng cộng 104.829.778 đồng;

- *Khế ước nhận nợ số*: Lần 16/Số: SMEQ10/16/0109/HDHM-BILL-16 ngày 08/09/2017; Gốc đã thanh toán: 180.000.000 đồng; Lãi đã thanh toán: 4.535.639 đồng; Phạt đã thanh toán: 756.570 đồng ; Tổng cộng 185.292.209 đồng;

- *Khế ước nhận nợ số*: Lần 01/Số: SMEQ10/17/0040/HDHM-01 ngày 18/05/2017; Gốc đã thanh toán: 685.379.487 đồng; Lãi đã thanh toán: 45.851.056 đồng; Phạt đã thanh toán: 368.500 đồng ; Tổng cộng 31.599.043 đồng;

- *Khế ước nhận nợ số*: Lần 02/Số: SMEQ10/17/0040/HDHM-02 ngày 23/05/2017; Gốc đã thanh toán: không có; Lãi đã thanh toán: không có; Phạt đã thanh toán: 10.029.885 đồng ; Tổng cộng 10.029.885 đồng;

- *Khế ước nhận nợ số:* Lần 03/Số: SMEQ10/17/0040/HDHM-03 ngày 30/05/2017; Gốc đã thanh toán: không có; Lãi đã thanh toán: 9.497.311 đồng; Phạt đã thanh toán: 117.069 đồng ; Tổng cộng 9.614.380 đồng;

- *Khế ước nhận nợ số*: Lần 04/Số: SMEQ10/17/0040/HDHM-04 ngày 09/06/2017; Gốc đã thanh toán: không có; Lãi đã thanh toán: 8.905.235 đồng; Phạt đã thanh toán: 115.568 đồng ; Tổng cộng 9.020.803 đồng;

Tổng cộng số tiền phía Công ty trách nhiệm hữu hạn T đã thanh toán cho VPBank gồm: Gốc đã thanh toán: 4.253.940.375 đồng; Lãi đã thanh toán: 381.679.714 đồng; Phạt đã thanh toán: 19.764.051 đồng; Tổng số tiền đã thanh toán 4.655.384.140 đồng. Tạm tính đến hết ngày 19/12/2019, Công ty VPBank Thương Mại Tiến Nam Phát còn nợ VPBank tổng cộng là: Nợ gốc quá hạn: 1.014.620.513 đồng; Nợ lãi quá hạn: 962.590.937 đồng. Tổng cộng: 1.977.211.450 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, chín trăm bảy mươi bảy triệu, hai trăm mười một nghìn, bốn trăm năm mươi đồng): Chi tiết như sau:

- *Khế ước nhận nợ*: Lần 01/Số: SMEQ10/16/0109/HDHM-BILL-01 ngày 04/11/2016; Gốc phải trả: không có; Lãi phải trả: 8.837.747 đồng; Phạt chậm trả lãi: không có; Tổng cộng 8.837.747 đồng;

- *Khế ước nhận nợ*: Lần 02/Số: SMEQ10/16/0109/HDHM-BILL-02 ngày 07/11/2016; Gốc phải trả: không có; Lãi phải trả: 4.667.556 đồng; Phạt chậm trả lãi: không có; Tổng cộng 4.667.556 đồng;

- *Khế ước nhận nợ*: Lần 03/Số: SMEQ10/16/0109/HDHM-BILL-03 ngày 17/11/2016; Gốc phải trả: không có; Lãi phải trả: 3.191.831 đồng; Phạt chậm trả lãi: không có; Tổng cộng 3.191.831 đồng;

- *Khế ước nhận nợ*: Lần 04/Số: SMEQ10/16/0109/HDHM-BILL-04 ngày 25/11/2016; Gốc phải trả: không có; Lãi phải trả: 8.572.980 đồng; Phạt chậm trả lãi: không có; Tổng cộng 8.572.980 đồng;

- *Khế ước nhận nợ*: Lần 05/Số: SMEQ10/16/0109/HDHM-BILL-05 ngày 20/01/2017; Gốc phải trả: không có; Lãi phải trả: 5.584.168 đồng; Phạt chậm trả lãi: 1.038.918 đồng; Tổng cộng 6.623.086 đồng;

- *Khế ước nhận nợ*: Lần 06/Số: SMEQ10/16/0109/HDHM-BILL-06 ngày 14/02/2017; Gốc phải trả: không có; Lãi phải trả: 17.281.556 đồng; Phạt chậm trả lãi: 3.236.080 đồng; Tổng cộng 20.517.636 đồng;

- *Khế ước nhận nợ*: Lần 07/Số: SMEQ10/16/0109/HDHM-BILL-07 ngày 01/03/2017; Gốc phải trả: không có; Lãi phải trả: 21.897.512 đồng; Phạt chậm trả lãi: 4.083.009 đồng; Tổng cộng 25.980.521 đồng;

- *Khế ước nhận nợ*: Lần 08/Số: SMEQ10/16/0109/HDHM-BILL-08 ngày 31/03/2017; Gốc phải trả: không có; Lãi phải trả: 13.160.726 đồng; Phạt chậm trả lãi: 2.216.103 đồng; Tổng cộng 15.376.829 đồng;

- *Khế ước nhận nợ*: Lần 09/Số: SMEQ10/16/0109/HDHM-BILL-09 ngày 09/05/2017; Gốc phải trả: không có; Lãi phải trả: 77.826.506 đồng; Phạt chậm trả lãi: 11.823.036 đồng; Tổng cộng 89.649.542 đồng;

- *Khế ước nhận nợ*: Lần 10/Số: SMEQ10/16/0109/HDHM-BILL-10 ngày 20/06/2017; Gốc phải trả: không có; Lãi phải trả: 35.654.745 đồng; Phạt chậm trả lãi: 5.553.220 đồng; Tổng cộng 41.207.965 đồng;

- *Khế ước nhận nợ*: Lần 11/Số: SMEQ10/16/0109/HDHM-BILL-11 ngày 19/07/2017; Gốc phải trả: không có; Lãi phải trả: 40.976.609 đồng; Phạt chậm trả lãi: 6.412.350 đồng; Tổng cộng 47.388.958 đồng;

- *Khế ước nhận nợ*: Lần 12/Số: SMEQ10/16/0109/HDHM-BILL-12 ngày 25/07/2017; Gốc phải trả: không có; Lãi phải trả: 19.897.593 đồng; Phạt chậm trả lãi: 3.242.834 đồng; Tổng cộng 23.140.427 đồng;

- *Khế ước nhận nợ*: Lần 13/Số: SMEQ10/16/0109/HDHM-BILL-13 ngày 09/08/2017; Gốc phải trả: không có; Lãi phải trả: 22.913.203 đồng; Phạt chậm trả lãi: 3.807.639 đồng; Tổng cộng 26.720.841 đồng;

- *Khế ước nhận nợ*: Lần 14/Số: SMEQ10/16/0109/HDHM-BILL-14 ngày 23/08/2017; Gốc phải trả: không có; Lãi phải trả: 54.671.463 đồng; Phạt chậm trả lãi: 7.947.405 đồng; Tổng cộng 62.618.868 đồng;

- *Khế ước nhận nợ*: Lần 15/Số: SMEQ10/16/0109/HDHM-BILL-15 ngày 24/08/2017; Gốc phải trả: không có; Lãi phải trả: 23.457.447 đồng; Phạt chậm trả lãi: 3.884.070 đồng; Tổng cộng 27.341.516 đồng;

- *Khế ước nhận nợ*: Lần 16/Số: SMEQ10/16/0109/HDHM-BILL-16 ngày 08/09/2017; Gốc phải trả: không có; Lãi phải trả: 46.171.924 đồng; Phạt chậm trả lãi:

7.763.008 đồng; Tổng cộng 53.934.932 đồng;

- *Khế ước nhận nợ*: Lần 01/Số: SMEQ10/17/0040/HDHM-01 ngày 18/05/2017; Gốc phải trả: 414.620.513 đồng; Lãi phải trả: 240.934.597 đồng; Phạt chậm trả lãi: 34.197.821 đồng; Tổng cộng 275.132.418;

- *Khế ước nhận nợ*: Lần 02/Số: SMEQ10/17/0040/HDHM-02 ngày 23/05/2017; Gốc phải trả: 200.000.000 đồng; Lãi phải trả: 66.279.848 đồng; Phạt chậm trả lãi: 7.724.791 đồng; Tổng cộng 274.004.639 đồng;

- *Khế ước nhận nợ*: Lần 03/Số: SMEQ10/17/0040/HDHM-03 ngày 30/05/2017; Gốc phải trả: 200.000.000 đồng; Lãi phải trả: 66.280.189 đồng; Phạt chậm trả lãi: 7.818.938 đồng; Tổng cộng 274.099.127 đồng;

- *Khế ước nhận nợ*: Lần 04/Số: SMEQ10/17/0040/HDHM-04 ngày 09/06/2017; Gốc phải trả: 200.000.000 đồng; Lãi phải trả: 66.048.376 đồng; Phạt chậm trả lãi: 7.535.141 đồng; Tổng cộng 273.583.517 đồng;

Tính đến ngày 31/12/2020 Công ty trách nhiệm hữu hạn T còn nợ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng tổng số tiền 2.238.161.866 cụ thể như sau: Nợ gốc quá hạn: 1.014.620.513 đồng; Nợ lãi quá hạn: 1.223.541.353 đồng.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các yêu cầu khởi kiện sau đây:

- Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn T phải trả một lần cho VPBank tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến hết ngày 31/12/2020 tổng số tiền 2.238.161.866 (nợ gốc quá hạn: 1.014.620.513 đồng; Nợ lãi quá hạn: 1.223.541.353 đồng);

- Ngoài ra, kể từ ngày 01/01/2021, buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn T vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho VPBank;

- Trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn T không thanh toán theo yêu cầu, VPBank có quyền yêu cầu ông Trương Đình C thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho Công ty trách nhiệm hữu hạn T theo hợp đồng bảo lãnh đã ký với VPBank.

(2) Phía bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trương Đình C vắng mặt không có lý do khi được Tòa án triệu tập lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất.

(3) Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên. Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Xuân M thừa nhận toàn bộ nội dung khởi kiện nêu trên của nguyên đơn. Bị đơn xác nhận tính đến ngày 31/12/2020 Công ty trách nhiệm hữu hạn T còn nợ Ngân hàng A tổng số tiền 2.238.161.866 (bao gồm nợ gốc quá hạn: 1.014.620.513 đồng; Nợ lãi quá hạn: 1.223.541.353 đồng). Bị đơn đồng ý

trả toàn bộ số nợ nói trên và tiền lãi phát sinh tiếp theo cho nguyên đơn cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ, đồng thời bị đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Đối với việc ông Trương Đình C đã bảo lãnh vô điều kiện và không huỷ ngang bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Trương Đình C theo Hợp đồng bảo lãnh số: SME/Q10/16/0109/HDBL ngày 04/11/2016 và Hợp đồng bảo lãnh số: SME/Q10/17/0040/HDBL ngày 18/5/2017 là hoàn toàn có thật và đúng quy định của pháp luật. Hôm nay, ông Trương Đình C có việc ở quê nhà tại Bình Định không thể tham gia phiên tòa, tuy nhiên ông Cường cũng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và đồng ý Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

(4) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trương Đình C đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên đề nghị Tòa án chấp nhận. Về nội dung vụ án: yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, đã được phía bị đơn thừa nhận toàn bộ. Do vậy, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Giữa Ngân hàng A với Công ty trách nhiệm hữu hạn T đã phát sinh tranh chấp trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh, hai bên có đăng ký kinh doanh và vì mục đích lợi nhuận thuộc trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Công ty trách nhiệm hữu hạn T có trụ sở đăng ký hoạt động tại địa chỉ: 261 đường Gò Dưa, khu phố 2, phường Tam Bình, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trương Đình C đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đồng thời tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông Trương Đình C.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Xét thấy, hợp đồng tín dụng số: SME/Q10/17/0040/HDTM ngày 11/5/2017 và hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số: SME/Q10/16/0109/HDHM-BIL ngày 04/11/2016 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn T với Ngân hàng A là hoàn toàn tự

nguyện, được lập bằng văn bản có chữ ký của đại diện hợp pháp và đóng dấu của các bên, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại các điều 91, 96 và 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, nên đã phát sinh quyền và nghĩa vụ pháp lý ràng buộc trách nhiệm buộc các bên phải thực hiện.

[3.2] Căn cứ chứng từ giải ngân, các khế ước nhận nợ, lời khai sự thừa nhận của các bên đương sự phù hợp với những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định tính đến hết ngày 31/12/2020 Công ty trách nhiệm hữu hạn T còn nợ Ngân hàng A tổng số tiền 2.238.161.866 (bao gồm nợ gốc quá hạn: 1.014.620.513 đồng; Nợ lãi quá hạn: 1.223.541.353 đồng). Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện hợp pháp của bị đơn đã thừa nhận toàn bộ số nợ và đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do vậy, yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

[3.3] Nhận thấy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải tiếp tục chịu trách nhiệm trả tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 01/01/2021 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ đã được đại diện hợp pháp của bị đơn đồng ý và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức Tín Dụng năm 2010 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.4] Xét thấy, hợp đồng bảo lãnh số: SME/Q10/17/0040/HDBL ngày 18/5/2017 và hợp đồng bảo lãnh số: SME/Q10/16/0109/HDBL ngày 04/11/2016 được ký kết giữa ông Trương Đình C với Công ty trách nhiệm hữu hạn T và Ngân hàng A là hoàn toàn tự nguyện, được lập bằng văn bản có chữ ký của đại diện hợp pháp và đóng dấu của các bên, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại các điều 335, điều 336, điều 339, điều 342 và điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên đã phát sinh quyền và nghĩa vụ pháp lý ràng buộc trách nhiệm buộc các bên phải thực hiện. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn về việc ông Trương Đình C thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho Công ty trách nhiệm hữu hạn T theo hợp đồng bảo lãnh đã ký, khi phía bị đơn không có khả năng trả nợ là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228, Điều 233, Điều 235, Điều 266, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 91, 95, 96 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ các Điều 335, 336, 339, 342, 463, 466 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng A số tiền 2.238.161.866 đồng (hai tỷ hai trăm ba mươi tám triệu một trăm sáu mươi mốt nghìn tám trăm sáu mươi sáu đồng), trong đó tiền nợ gốc là 1.014.620.513 đồng và tiền nợ lãi quá hạn là 1.223.541.353 đồng.

- Kể từ ngày 01/01/2021, Công ty trách nhiệm hữu hạn T còn phải tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi quá hạn phát sinh tương ứng với số dư nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất quá hạn mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: SME/Q10/17/0040/HDTM ngày 11/5/2017 và hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số: SME/Q10/16/0109/HDHM-BIL ngày 04/11/2016 cùng các khế ước nhận nợ, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ cho Ngân hàng A.

- Kể từ ngày Ngân hàng A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty trách nhiệm hữu hạn T không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu ông Trương Đình C thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay, theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo lãnh số: SME/Q10/17/0040/HDBL ngày 18/5/2017 và hợp đồng bảo lãnh số: SME/Q10/16/0109/HDBL ngày 04/11/2016 được ký kết giữa ông Trương Đình C với Công ty trách nhiệm hữu hạn T và Ngân hàng A.

2. Về án phí: Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 76.763.237 đồng (bảy mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm ba mươi bảy đồng), buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn T phải nộp theo quy định.

Trả lại cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí 33.990.882 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0003857 ngày 18/9/2019 của Chi cục thi hành an dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng A và Công ty trách nhiệm hữu hạn T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trương Đình C vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Văn Thiên